



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

theo Công văn số 6459/CV/BNCTW, ngày 12/3/2024 của Ban Nội chính Trung ương)

Ngày: 13-03-2024

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ VIỆC TỔ CHỨC SƠ KẾT

Số: 16.00.....

1. Khái quát đặc điểm tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi phụ trách, quản lý và những thuận lợi, khó khăn liên quan đến việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW.

2. Đánh giá khái quát việc tổ chức sơ kết, xây dựng báo cáo của cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 27-CT/TW

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện

- Kết quả phổ biến, quán triệt Chỉ thị số 27-CT/TW (nêu rõ hình thức phổ biến, quán triệt; số cuộc hội nghị, số tài liệu được phát hành, số lượt người được phổ biến, quán triệt; sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức đối với công tác bảo vệ người tố cáo).

- Việc ban hành Kế hoạch hoặc văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW ở cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Chỉ thị số 27-CT/TW

2.1. Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, trước hết là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ người tố cáo thuộc phạm vi phụ trách

- Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu trong công tác bảo vệ người tố cáo; nhất là lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với công tác này.

- Việc xử lý vi phạm khi để xảy ra việc người tố cáo thuộc phạm vi phụ trách bị trả thù, trù dập (nêu số lượng, hình thức xử lý).

2.2. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế của Đảng, Nhà nước về bảo vệ người tố cáo

- Kết quả ban hành hoặc tham mưu ban hành các văn bản, quy định của cấp ủy, tổ chức đảng để cụ thể hóa, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW (nêu số lượng, tên một số văn bản tiêu biểu).

- Kết quả ban hành, tham mưu ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ người tố cáo (nêu số lượng, tên một số văn bản tiêu biểu).

- Đánh giá tính kịp thời, sự phù hợp, đồng bộ, khả thi của các văn bản được ban hành.

2.3. Công tác phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý, kiến nghị xử lý hành vi trả thù, trù dập người tố cáo và phối hợp trong công tác bảo vệ người tố cáo

- Kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn không để xảy ra các hành vi trả thù, trù dập người tố cáo.

- Kết quả phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các hành vi trả thù, trù dập người tố cáo; bao che cho người bị tố cáo; không làm tròn trách nhiệm bảo vệ người tố cáo; người lợi dụng quyền phản ánh, tố giác, tố cáo để vi phạm (nêu số lượng, hình thức xử lý).

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong bảo vệ người tố cáo (đánh giá về tính kịp thời, thường xuyên, chặt chẽ, hiệu quả trong công tác phối hợp; việc xây dựng quy chế phối hợp,...).

- Việc động viên, khen thưởng kịp thời người tố cáo đúng (nêu rõ số lượng người được khen thưởng, hình thức khen thưởng,...).

2.4. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ người tố cáo

- Kết quả công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đối với công tác bảo vệ người tố cáo (nêu rõ việc xây dựng chương trình, nội dung kiểm tra, giám sát về bảo vệ người tố cáo hằng năm; số cuộc kiểm tra, giám sát; kết quả phát hiện xử lý hoặc đề nghị xử lý tổ chức, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ người tố cáo, vi phạm quy định về bảo vệ người tố cáo; trả thù, trù dập người tố cáo).

- Kết quả công tác thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ người tố cáo (nêu rõ số cuộc thanh tra; kết quả phát hiện xử lý hoặc kiến nghị xử lý tổ chức, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ người tố cáo; trả thù, trù dập người tố cáo).

- Công tác hướng dẫn của ủy ban kiểm tra, thanh tra cấp trên với ủy ban kiểm tra, cơ quan thanh tra cấp dưới thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra về việc bảo vệ người tố cáo.

- Kết quả giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đối với việc chấp hành pháp luật về tố cáo và bảo vệ người tố cáo.

- Kết quả giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị-xã hội các cấp đối với công tác bảo vệ người tố cáo (*nêu rõ số cuộc giám sát, phản biện; kết quả phát hiện, kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có hành vi trả thù, trù dập, chưa thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ người tố cáo*); thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đối với người tố cáo theo quy định.

2.5. Chỉ đạo định hướng công tác thông tin, tuyên truyền về bảo vệ người tố cáo; đấu tranh với biểu hiện bao che, những hành vi trả thù, trù dập người tố cáo và những hành vi vu khống, tố cáo sai sự thật (*nêu rõ số lượng, chất lượng, nội dung, hình thức tuyên truyền cụ thể,...*).

2.6. Công tác kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và bảo vệ người tố cáo

- Lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và bảo vệ người tố cáo.

- Việc phân công trách nhiệm cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị trong việc bảo vệ người tố cáo.

- Việc quan tâm, tạo điều kiện (*về cơ chế, chính sách, cơ sở vật chất, chế độ đãi ngộ,...*) để đội ngũ cán bộ và cơ quan, đơn vị có chức năng bảo vệ người tố cáo thực hiện tốt nhiệm vụ.

- Việc biểu dương, khen thưởng đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ người tố cáo (*nêu rõ số lượng tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng; hình thức khen thưởng,...*).

3. Kết quả cụ thể trong công tác bảo vệ người tố cáo

- Tổng số đơn thư tố cáo, phản ánh, tố giác liên quan đến hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã tiếp nhận, xử lý.

- Tổng số người có yêu cầu được bảo vệ (*trong đó nêu rõ số người đề nghị bảo vệ vị trí công tác, việc làm, số người đề nghị bảo vệ tính mạng, sức khỏe, số người đề nghị bảo vệ tài sản, số người đề nghị bảo vệ danh dự, nhân phẩm*).

- Số người được cơ quan chức năng áp dụng biện pháp bảo vệ (*Trong đó nêu rõ số người được bảo vệ vị trí công tác, việc làm, số người được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, số người được bảo vệ tài sản, số người được bảo vệ danh dự, nhân phẩm*).

- Số người tố cáo, phản ánh, tố giác liên quan đến hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bị trả thù, trù dập; các hình thức trả thù, trù dập; kết quả, hình thức xử lý hành vi trả thù, trù dập.

- Số người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền bị xử lý do buông lỏng lãnh đạo, quản lý, không làm hết thẩm quyền để xảy ra tình trạng người tố cáo, phản ánh, tố giác bị trả thù, trù dập (*nêu rõ hình thức xử lý cụ thể*).

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

1. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan.

3. Kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 27-CT/TW

2. Kiến nghị, đề xuất

* Ghi chú: - Thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 10/01/2019 đến ngày 31/12/2023.

- Đề cương Báo cáo sơ kết chỉ là gợi ý những nội dung chính, các cơ quan, đơn vị căn cứ vào mục đích, yêu cầu, nội dung sơ kết và chức năng, nhiệm vụ được giao để bổ sung, cụ thể hóa cho phù hợp.

PHỤ LỤC 1
Thống kê kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện
Chỉ thị số 27-CT/TW
(Từ tháng 01/2019 đến 31/12/2023)

| <i>Phổ biến, quán triệt về Chỉ thị</i> | | | <i>Ban hành văn bản lãnh đạo chỉ đạo, thể chế hóa Chỉ thị</i> | | <i>Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra</i> | |
|---|--|--|--|--|---|---|
| <i>Số cuộc hội nghị, lớp tập huấn... được BCSD, ĐĐ, ĐU, tỉnh ủy, thành ủy tổ chức</i> | <i>Số lượng cán bộ, đảng viên tham gia</i> | <i>Số lượng tài liệu, ấn phẩm được phát hành</i> | <i>Số lượng văn bản do BCSD, ĐĐ, ĐU, tỉnh ủy, thành ủy ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo</i> | <i>Số lượng văn bản QPPL do bộ, ngành, UBND cấp tỉnh ban hành để cụ thể hóa văn bản của cấp trên</i> | <i>Số cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương</i> | <i>Số cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra của các cơ quan trực thuộc</i> |
| | | | | | | |

(Từ tháng 01/2019 đến 31/12/2023)

[illegible]